Sở Tư pháp
Tỉnh Bình Định
09.08.2019
08:50:16
+07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 37 /2019/QĐ-UBND	*Bình Định, ngày 19 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập và chế độ miễn, giảm đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng trên địa bàn tỉnh

SỞ TƯ PHÁP
Số: 3099
ĐẾN Ngày 09/8/2019
Chuyển:
Lưu hồ sơ số:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 09 tháng 12 năm 2000;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma túy ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cai nghiện ma tuý tại cộng đồng;

Căn cứ Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Căn cứ Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Căn cứ Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện;

Căn cứ Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 117/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và tổ chức cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng;

Căn cứ Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện;

Căn cứ Nghị quyết số 23/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập và chế độ miễn, giảm đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập và chế độ miễn, giảm đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

1. Mức đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh:

Ngoài các nội dung và mức chi được nhà nước hỗ trợ quy định tại Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20/12/2018 của Bộ Tài chính, người tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm đóng góp các khoản chi phí còn lại như sau:

a) Điện, nước sinh hoạt: 80.000 đồng/người/tháng.

b) Tiền đóng góp xây dựng cơ sở vật chất 300.000 đồng/người/lần hợp đồng cai nghiện ma túy tự nguyện.

c) Phục vụ, quản lý 400.000 đồng/người/lần hợp đồng cai nghiện ma túy tự nguyện.

2. Chế độ miễn, giảm đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng:

Ngoài các nội dung và mức chi được nhà nước hỗ trợ quy định tại Thông tư số 117/2017/TT-BTC ngày 06/11/2017 của Bộ Tài chính, người cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng được xét miễn hoặc giảm một phần chi phí trong thời gian cai nghiện tập trung tại các cơ sở điều trị cắt cơn ở địa phương.

a) Miễn đóng góp 100% cho các đối tượng, gồm:

- Người thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

- Người chưa thành niên;

- Người bị nhiễm HIV/AIDS.

b) Giảm 50% mức đóng góp cho các đối tượng thuộc hộ cận nghèo.

c) Nguồn kinh phí thực hiện miễn, giảm: Bố trí từ ngân sách địa phương theo phân cấp nhiệm vụ chi hiện hành.

Điều 2. Các nội dung không quy định tại Quyết định này thì được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 117/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2017; Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính và các văn bản khác có liên quan theo quy định của pháp luật. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì được áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 3. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này trên địa bàn tỉnh.

Quyết định này có hiện lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2019.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tư pháp, Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- UBTV Quốc hội; Chính phủ (báo cáo);
- Các Bộ: Lao động-TB&XH; Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội đoàn thể liên quan;
- Lãnh đạo + CV VPUBND tỉnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, K20.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Hồ Quốc Dũng